

## PHẨM: PHẬT ĐẠO

Theo tướng chung mà luận thì tất cả pháp được tu tập đều là hạnh Bồ-tát, đều là Phật đạo. Nếu phân biệt thì hạnh lia tướng cầu tịch diệt là hạnh Bồ-tát, chứng tịch diệt khởi đại dụng là Phật đạo. Nay tu nhân của đạo này và lấy đó làm phẩm, nên gọi là phẩm Phật Đạo.

Hai đôi trên là nói về hạnh Tự phần, từ phẩm này là thuộc đôi thứ ba nói về Thắng tấn hạnh. Nếu phân biệt theo vị trí thì Tự phần thuộc về Địa thứ sáu về trước, theo Địa kinh thì Địa thứ sáu về trước tu hạnh xả tướng cầu đến tịch diệt, Thắng tấn thì thuộc Địa thứ bảy trở lên, theo Địa kinh thì Địa thứ bảy trở lên tu trí phương tiện phát khởi hạnh thù thắng của Bồ-tát. Nếu căn cứ theo thật thì chung cho tất cả các vị. Phẩm này đầu tiên nói về pháp tu hành, từ câu “Bồ-tát phổ hiện sắc thân hởi...” trở xuống là nói về việc thành tựu. Trong phần tu hành đầu tiên nói thông đạt Phật đạo là nêu thể của hạnh, sau đó nói phiền não là hạt giống của Như Lai, hiển thị gốc của hạnh để thành tựu nghĩa hành phi đạo là thông đạt Phật đạo nêu ở trước. Trong đoạn đầu, trước hỏi pháp luận biện, sau đó là kết luận. Trong phần luận biện gồm có hai phen hỏi đáp. Đầu tiên Bồ-tát Văn-thù hỏi: “Bồ-tát làm thế nào để thông đạt Phật đạo?”. “Bồ-tát thật hành phi đạo là thông đạt Phật đạo” đây là câu trả lời tổng quát; pháp nhiệm chẳng phải là chánh đạo xuất thế nên gọi là phi đạo, còn chư Phật thường dùng các đạo này để giáo hóa người, nên gọi là Phật đạo, Bồ-tát thực hành phi đạo này gọi là thông đạt Phật đạo.

Hỏi:

- Phi đạo thì Bồ-tát cần phải đoạn, vì sao lại phải thực hành?

Đáp:

- Như trên đã luận, pháp có ba môn:

1. Môn đối trị tu xả, tức có ác thì trừ, có thiện thì tu tập, cho nên văn trên ghi “Pháp bất thiện chẳng sinh, pháp thiện chẳng diệt”.

2. Môn bật dứt tướng, tức thiện ác đều xa lìa, cho dù một pháp cũng không còn tồn tại, nên luận nói: “Pháp còn bỏ huống là phi pháp.

3. Môn lập tướng, tức đều thực hành nhiệm tịnh, như Địa kinh nói: “Pháp khởi thắng hạnh”, đây chính là hành phi đạo thông đạt Phật đạo được nói trong kinh này. Văn sau nói: Tám mươi bốn ngàn môn phiền não làm chúng sinh bị lao nhọc, nhưng chư Phật thì lấy đó làm Phật sự”, Thật hành, hạnh tịnh thì có thể tự biết được.

Hỏi:

- Tu thẳng vào hạnh thanh tịnh thì liền đầy đủ, cần gì phải tu hạnh  
nhiệm?

Đáp:

- Gồm bốn nghĩa:

1. Căn cứ theo hạnh; hạnh thì có tự lợi và lợi tha, tự lợi thì tu tịnh, hóa tha thì hiện nhiệm, hiện nhiệm để đối phá chấp tịnh của Thanh văn, tu tịnh để đối phá nhiệm ô của phàm phu, vì thế văn trên đã ghi: “Chẳng cấu chẳng tịnh là hạnh Bồ-tát”.

2. Căn cứ theo người, người thì có phàm Thánh, hóa phàm thì hiện nhiệm, hóa Thánh thì hiện tịnh; vả lại người thì có Tiểu thừa, Đại thừa, giáo hóa Đại thừa thì khởi nhiệm, giáo hóa Tiểu thừa thì hiện tịnh.

3. Theo pháp; pháp thì có thế gian và Niết-bàn, nguyện tùy thuận thế gian ắt phải hiện nhiệm, muốn cầu Niết-bàn ắt phải tu tịnh.

4. Căn cứ theo hiển thật; trong Như Lai tạng gồm có hai môn là Tịch diệt chân như môn và duyên khởi tác dụng môn, muốn chứng hai môn này ắt phải cần đến liễu nhân, muốn vào môn tịch ắt phải tu tịnh làm liễu nhân, muốn đạt môn tác dụng phải cần hành nhiệm để làm liễu nhân.

Đã có nhiều nghĩa như thế, cho nên nay nói thực hành pháp nhiệm là thông đạt Phật đạo. Nhưng hạnh nhiệm này, có người cho rằng chỉ là Ứng, người khác thấy ta làm thật chẳng có làm, một tướng này chẳng phải cho là tất cả. Nếu chỉ là Ứng, thì việc tu tập hôm nay, há có phải chỉ là Ứng đã thông đạt Phật đạo chăng? Phát khởi thẳng hạnh mà Địa kinh đã nói, há đó phải là hạnh thù thắng của Ứng mà chẳng phải là thật ư? Thật có tu tập đâu chỉ là ứng, trong đó có phân biệt có tu và có thành. Tu ắt phải ra sức gắng học mà khởi, chẳng phải Ta không làm. Thành thì có ba nghĩa:

1. Phân biệt theo tình thức, người thấy ta làm mà Ta thật chẳng làm, tình thức tạo nhiệm đó bậc Thánh đã đoạn.

2. Phân biệt theo nhân, dụng của nhiệm hiện khởi đều từ sức đại bi nguyện mà sinh, chẳng phải đợi người thấy.

3. Phân biệt theo pháp, dụng của nhiệm hiển hiện đều là cảnh do pháp môn Tam-muội duyên khởi phát sinh, như hạt châu Như ý mưa xuống các vật báu; nên kinh Niết-bàn ghi: “Đại Bát-Niết-bàn luôn kiến lập nghĩa đại, Kim cang Tam-muội luôn thị hiện các loại”. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói môn pháp giới mà Thiệt Tài mong cầu, mỗi mỗi đều có tác dụng. Tất cả như thế, đều từ sức của pháp môn bi nguyện sinh khởi, thì đâu được nhất định nói là ta không làm, chỉ có người khác

thấy.

Hỏi: Thế nào là thực hành phi đạo?

- Hỏi tiếp để phát khởi. Sau là giải thích rộng. Văn gồm bốn đoạn:

1. Khởi hạnh phàm phu.

2. Từ câu “Thị hiện vào hàng Thanh văn...” trở xuống là khởi hạnh Nhị thừa.

3. Từ câu “Thị hiện làm kẻ bần cùng...” trở xuống là hạnh tùy sinh tử.

4. Từ câu “hiện vào Niết-bàn là hạnh vào Niết-bàn”.

Trong bốn hạnh này thì hai hạnh trước là phàm Thánh đối đãi, hai hạnh sau là sinh tử Niết-bàn đối đãi. Trong hai hạnh đầu thì thứ nhất hiện vào phàm phu là tập hạnh sinh tử.

2. Từ câu “Thị hiện hành xan tham...” trở xuống, nói hiện khởi phàm phu là hạnh chướng đạo.

Trong hạnh gom tập sinh tử nói hạnh hiện khởi phiền não nghiệp khổ. Nói gây năm tội vô gián mà không buồn giận là hiện khởi nghiệp nhân. Giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật ra máu là năm vô gián. Tạo năm nghiệp này thì phải mãi chịu khổ nặng không dừng nghỉ, nên gọi là vô gián, đó là từ quả mà đặt tên. Phàm phu tạo năm tội nghịch này thì tâm khởi phiền não, Bồ-tát không như thế, nên không buồn giận. “Đến địa ngục...” là nêu quả khổ. Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh là nạn tam đồ”. “Vào trong địa ngục, mà không có tội cấu”, vào địa ngục, thật là do tội nghiệp chiêu cảm, Bồ-tát hiện hóa vào địa ngục, nên không có tội cấu. “Vào súc sinh mà không kiêu mạn”, như kinh Niết-bàn nói: Tham sân si mạn phần nhiều sinh vào địa ngục, từ địa ngục ra, lại làm thân súc sinh. Bồ-tát không như thế, tuy hiện có thọ, mà không phiền não nên không có các lỗi vô minh kiêu mạn. “Vào ngạ quỷ mà đầy đủ công đức”, ngạ quỷ phần nhiều do tham lam bôn sẻn mà sinh ra, Bồ-tát không như thế, tuy hiện ở trong đó mà có nhiều phước thiện, nên gọi là đầy đủ các công đức. “Vào các cảnh sắc và vô sắc mà không cho là thù thắng”, hai cõi đó là thuộc về nạn Trường thọ thiên. Trời người ở cõi Dục chẳng thuộc về nạn nên chẳng luận. Uất-đơn-việt tuy cũng là nạn nhưng vẫn lược không ghi. “Thị hiện tham dục...” là hiện khởi phiền não. Ba độc thì có thể biết. Sau đây là khởi hạnh phàm phu chướng đạo; đầu tiên là nói về khởi hạnh phàm phu tổn hại tự kỷ; từ câu “Vào ma...” về sau là khởi hạnh phàm phu làm não loạn người. Trong hạnh tổn hoại tự kỷ, đầu tiên nói thị hiện xan tham... là nói không có chánh hạnh, sau đó nói “không siểm khúc...” là không

thực hành phương tiện. Đoạn trước, đầu tiên nói: “Thị hiện thực hành tham lam bồn sển” là khởi tâm chướng ngại Bồ thí, “mà xả bỏ trong ngoài, chẳng tiếc thân mạng”, thì thật sự thường Bồ thí. Thân là trong, tài vật là ngoài. “Thực hành phá hủy giới cấm”, là hiện khởi chướng ngại giới, “mà ở nơi tịnh giới, có tội nhẹ cũng sinh tâm sợ hãi” là nói chân thật kiên cố giữ gìn cấm giới. “Thị hiện hành giận dữ”, là hiện khởi chướng tâm nhẫn, “mà từ từ bị nhẫn nhục”, là nói thật nhu hòa an nhẫn. “Thị hiện lười biếng” là khởi chướng tinh tấn, “mà chuyên cần tu các công đức” là nói chân thật tinh tấn. “Thị hiện loạn ý” là hiện khởi chướng thiền, “mà thường niệm định”, tức chân thật an tĩnh. “Thị hiện ngu si” là hiện khởi chướng tuệ, “mà thông đạt tuệ thế gian và xuất thế gian” là nói về hiểu biết rộng rãi chân thật, hiểu biết năm minh gọi là thông đạt thế gian, thấu suốt chân đế gọi là thông đạt xuất thế.

Sau đây là nói về siểm khúc khinh mạn. Phương ngại đến việc cầu chánh pháp nên gọi là không có phương tiện. Trong đó gồm ba câu: “Hiện làm việc siểm ngụy” là hiện có thấp hèn, thân luôn cúi gọi là siểm, tâm luống dối gọi là ngụy; “mà khéo phương tiện tùy thuận nghĩa kinh”, là nói chân thật khéo léo và ngay thẳng; “mà khéo phương tiện” là đối với “hư dối” nêu trên, tâm nương theo pháp nghĩa, nên không hư dối. “Thị hiện kiêu mạn” là hiện tướng cống cao ngã mạn, “mà làm cây cầu cho chúng sinh”, bên trong thật nhún nhường mà ngoài gánh vác hết thảy, nên đối với chúng sinh giống như chiếc cầu. “Thị hiện có các phiền não” là hiện khởi lỗi nhiễm ô, trừ siểm, trừ mạn mà khởi các phiền não khác; “mà tâm thường thanh tịnh”, là nói thật chẳng nhiễm. Trên là nói về khởi hạnh tổn hại tự kỷ, từ câu “thị hiện vào ma...” trở xuống là nói về việc khởi hạnh làm não hại người, “thuận trí tuệ Phật” là nói về lợi ích chân thật phước thiện, tức dùng chánh pháp chỉ dạy người, gọi là thuận tuệ Phật. Trên là đoạn thứ nhất nói về khởi hạnh phàm phu, từ đây là phần thứ hai là khởi hạnh Nhị thừa. “Thị hiện vào Thanh văn” là đồng Tiểu thừa, “mà thuyết cho chúng sinh nghe pháp chưa từng nghe”, tức thật có kiến giải Đại thừa. “Thị hiện vào Bích-chi”, hiện đồng Trung thừa, “mà thành tựu đại bi giáo hóa chúng sinh” tức thật có tâm Đại thừa.

Thứ ba, là nói về hạnh tùy sinh tử, gồm mười câu, chín câu trước là nói về việc làm hiện tại, một câu sau là nói về việc làm ở vị lai. Trong chín câu, năm câu đầu nói về việc ở nơi khổ mà chẳng não loạn, bốn câu sau là nói ở nơi nhiễm mà chẳng ô. Trong năm câu đầu, câu thứ nhất ghi “Thị hiện vào hàng nghèo khổ” là hiện có nghèo khổ, “mà có

bảo thủ công đức vô lượng”, bên trong thật đầy đủ như vị quan chủ quản kho tàng của Chuyển luân vương; báu vật từ tay lưu xuất nên gọi là Bảo thủ, câu này là luận theo quả; bốn câu kế là y theo chánh báo. “Thị hiện làm kẻ tàn tật”, là hiện có chỗ kém khuyết, “mà đầy đủ tướng quý và vẻ đẹp phụ trang nghiêm thân”, là thật báo tôn quý, “mà thị hiện làm kẻ hạ tiện”, hiện ở nơi thấp kém; “mà sinh trong giòng giống Phật đầy đủ các công đức”, tức bẩm thọ được sự tôn quý cao đẹp. “Thị hiện làm kẻ xấu gây”, tức hiện có thân yếu đuối, “mà có thân Na-la-diên, chúng sinh thích nhìn”, tức sắc thân cường tráng đẹp đẽ, nói Na-la-diên tức sắc thân cường tráng. Na-la là âm Phạm, Hán dịch là Kiên Lao (bền chắc); nói chúng sinh thích nhìn là sắc thân đẹp. “Thị hiện có già bệnh”, là hiện có suy thoái, “mà vĩnh viễn đoạn trừ gốc bệnh, vượt ra ngoài sự chết đáng sợ”, là pháp thân an định. Trên là năm câu nói về việc ở nơi khổ mà không phiền não, sau đây là bốn câu nói về việc ở nơi nhĩm mà chẳng ô, hai câu đầu nói không có ái, một câu kế nói không si, một câu sau nói không có kiến. Trong hai câu đầu, câu một nói: “Thị hiện có tài sản” tức hiện sống nơi giàu có, “mà hằng xem là vô thường” tức thật không tham, bên trong dứt trừ tham ái. “Thị hiện có vợ con” tức hiện ở nơi trần lao, “mà thường xa lìa vũng bùn năm dục”, tức nội tâm hằng an tịnh. Đó là nói lìa ái. “Thị hiện làm kẻ đần độn”, tức ngoài hiện làm người ngu, “mà thành tựu biện tài, chẳng mất tổng trì”, tức bên trong thật lanh lợi sáng suốt; đó là nói lìa si. “Thị hiện vào tà tế”, tức hiện đồng ngoại đạo, “mà dùng chánh đế (Phật đạo) để độ chúng sinh”, tức tâm không có dị chấp, đây là nói về lìa kiến.

Trên là chín câu nói về việc làm hiện tại, sau đây là hai câu nói về việc làm ở vị lai. “Thị hiện vào các đường”, tức đều sinh vào sáu đường; “mà đoạn dứt nhân duyên”, là hạnh thật thường thanh tịnh.

Trên là phần thứ ba nói về hạnh tùy thuận sinh tử, sau đây là phần thứ tư nói về hạnh nhập Niết-bàn. “Thị hiện vào Niết-bàn” tức ứng hiện diệt độ của Tiểu thừa, “mà chẳng đoạn sinh tử” tức thường tùy các hữu. Trên là phen hỏi đáp thứ nhất còn câu “Thưa ngài Văn-thù-sư-lợi! Thực hành như thế là thông đạt Phật đạo” là câu tổng kết.

Trên nói thông đạt Phật đạo là thuộc về chỗ thực hành, sau đây nói phiền não là hạt giống Như Lai là nêu gốc của hạnh để thành tựu nghĩa thật hành phi đạo là thông đạt Phật đạo ở trên. Vì sao lại thành tựu được nghĩa trước? Vì phiền não là hạt giống Phật. Trước, thực hành phi đạo gọi là thông đạt Phật đạo, văn gồm hai đoạn:

1. Hỏi đáp luận biện.

## 2. Ca-diếp thuật và tán thán.

Đầu tiên ngài Ca-diếp hỏi để phát khởi; “Thế nào là hạt giống?”. Về thông đạt Phật đạo thì ông Duy-ma tự nói, nay nói về hạt giống Như Lai, vì sao không tự nói mà hỏi vặn lại ngài Văn-thù? Giải thích rằng, ở trên ông Duy-ma nói về hành phi đạo là vì sợ người chẳng tin, cho nên nay phản vấn ngài Văn-thù về hạt giống Phật để ngài Văn-thù chỉ dạy hầu thành tựu ý nghĩa của mình đã nói, vì có người khác đồng nói như thế thì mình chứng là lý có thể quyết định được. Câu “Bồ-tát Văn-thù...” trở xuống là lời đáp, chỉ nói tất cả pháp ác phiền não là hạt giống Như Lai. Vì sao? Vì muốn thành tựu cho nghĩa hành phi đạo là thông đạt Phật đạo ở trên, cho nên chỉ nói như thế.

Hỏi:

- Các nghiệp sinh tử phiền não làm chướng ngại Phật đạo

- Vì sao nói là hạt giống Như Lai? Có ba nghĩa:

1. Phật tánh duyên khởi mà tập thành năm ấm bất thiện của phàm phu, thể của năm ấm bất thiện này là chủng tử chánh nhân của Như Lai nên gọi là Như Lai chủng (hạt giống Như Lai), kinh Niết-bàn ghi: “Các kết sử như vô minh... là Phật tánh”, tánh tức là chủng.

2. Chúng sinh bất thiện có thể nham chán sinh tử, cầu Phật đạo, nên gọi tất cả pháp ác bất thiện là hạt giống Như Lai, nên kinh Đại Trì nói: “Vì có phiền não mà thích cầu pháp tịnh, gọi là dĩ hữu nhân”, nhân tức là hạt giống (chủng).

3. Người có phiền não thường thực hành phi đạo để nhiếp thủ chúng sinh, vì điều này có thể khởi hạnh thông đạt Phật đạo, nên gọi là hạt giống Như Lai.

Nghĩa được luận ở đây thuộc về hai nghĩa sau. Trong văn kinh, đầu tiên nói các pháp ác phiền não là hạt giống Như Lai. Từ câu “thế nào...” trở xuống là hỏi đáp để giải thích. Trước gồm mười hai câu:

1. “Thân hữu là hạt giống”, Báo thân sinh tử trong hai mươi lăm hữu gọi là thân hữu, nói thân hữu này là hạt giống.

2. “Vô minh hữu ái là hạt giống”, thân trước là quả khổ, đây là tập nhân, phiền não có vô lượng vô minh hữu ái, cho nên được nêu lên.

3. Thuyết ba độc tham sân si là hạt giống, nghĩa như Biệt chương đã nói.

4. Nói bốn đảo là hạt giống, pháp sinh tử là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh mà vọng chấp là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, là bốn đảo.

5. Nói năm cái là hạt giống; tham, sân, si, thù miên, điệu hối và nghi là năm cái.

6. Nhập là hạt giống, sáu căn là sáu nhập.

7. Bảy thức xứ là hạt giống; trời người cõi Dục là một, ba cõi thiên dưới trong cõi Sắc là ba, ba Không xứ dưới trong cõi Vô sắc là ba, tổng cộng thành bảy. Hỏi: Dục giới có ba đường vì sao không nói? Ba đường đều có khổ, nhưng loại trước, thức bị bức bách chẳng thích an trụ, cho nên chẳng phải là thức xứ. Vì sao chẳng nói Thiên xứ thứ tư trong sắc giới? Luận rằng: Ở cõi ấy có vô tướng báo tàn diệt tâm thức, vả lại trong đệ tứ thiên có trời Ngũ tịnh cư thích cầu Niết-bàn, tàn diệt tâm thức, chẳng muốn an trụ lâu, nên chẳng phải là Thức xứ. Vì sao phi tướng thiên trong cõi Vô sắc không nói đến? Luận rằng: Ở cõi ấy có diệt tận định, diệt cả thức tâm, thức chẳng thích an trụ, cho nên chẳng phải là Thức xứ.

8. Nói tám tà là hạt giống; tà kiến, tà tư duy, tà niệm, tà định, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạn và tà tinh tấn là tám tà.

9. Nói chín não là hạt giống, thích người ta ghét, ghét bạn thân của ta và thân ta là ba não, nhân với ba thời thành chín não.

10. Nói mười bất thiện là hạt giống; sát, đạo, dâm, vọng ngữ, ỷ ngữ, lưỡng thiệt, ác mạ, tham, sân, si, tà kiến là mười ác.

11. Nói sáu mươi hai kiến là hạt giống, như Biệt chương đã nói rõ.

12. Nói tất cả phiền não là hạt giống.

Trên là luận riêng, sau đây là giải thích chung. Nói “Vì sao”, tức hỏi trước để phát khởi sự giải thích sau. Tất cả đều là pháp sinh tử chương đạo, nay lại nói là hạt giống Phật, vậy nghĩa ấy thế nào? Sau là giải thích, nghĩa như trước đã nói, người có phiền não thì thường nhầm chán sinh tử, cầu Đại Bồ-đề, nên gọi là hạt giống Phật. Vả lại vì thường thật hành phi đạo thì thông đạt Phật đạo cũng gọi là hạt giống Phật. Đoạn văn này gồm ba phần:

1. Y theo phiền não ái mà giải thích hạt giống Phật.

2. Từ câu “như gieo trồng...” trở xuống là y cứ theo phiền não kiến để giải thích là hạt giống Phật.

3. Từ câu “Vì thế nên biết, tất cả phiền não...” trở xuống là giải thích chung tất cả phiền não là hạt giống.

Trong phần đầu thì trước là nêu pháp, kế đó là dụ, sau là hợp. Trong pháp thì đầu tiên văn ghi: “Nếu thấy vô vi nhập chánh vị thì chẳng thể phát tâm Tam Bồ-đề” tức nên điều sai để hiển điều đúng; hàng Thanh văn thấy vô vi chứng Niết-bàn gọi là vào chánh vị, đấm trước nơi đó mà chẳng cầu Đại thừa, vì thế chẳng thể phát tâm Bồ-đề.

Ở đây cũng nên nói “Phàm phu có thể phát tâm”, nhưng văn lược không ghi, đối chiếu với trên cũng có thể biết. Trong dụ có nói trên đôi cao thì hoa sen chẳng thể sinh trưởng là dụ cho điều sai nói ở trước. Chấp trước vô vi gọi là đôi cao; “nơi đất thấp bùn lầy hoa sen mới sinh trưởng được” là dụ cho việc phàm phu mới thường hát tâm, đã nêu ở văn trên. Trong phần hợp nói: “như thế, thấy vô vi nhập chánh vị thì chẳng thể sinh vào Phật pháp” đây là hợp với câu “Vùng đôi cao thì hoa sen chẳng thể sinh trưởng” ở trên; “trong bùn lầy phiền não mới có chúng sinh phát tâm cầu Phật pháp” đây là hợp với câu “ở nơi bùn lầy đất thấp, hoa sen mới sinh trưởng được” ở trên.

Căn cứ theo phiền não kiến để nói là hạt giống Phật, đầu tiên là dụ sau là hợp. Trong phần dụ trước nói: “gieo hạt giống trong hư không thì hạt không thể nảy mầm được”, là dụ cho Tiểu thừa chẳng phải là hạt giống; pháp tâm Bồ-đề gọi là hạt giống; dùng dạy Thanh văn gọi là gieo trồng, hàng Thanh văn thích tịch diệt, dụ cho hư không, vì thích tịch diệt nên chẳng phát khởi tâm Đại thừa nên gọi là rốt cuộc chẳng thể nảy mầm. “Ở nơi đất có phân bả mới được tươi tốt”, dụ phàm phu là hạt giống, ngã, kiến, chúng sinh gọi là đất có phân bả; những hạng người này mới quyết chí cầu Đại Bồ-đề, gọi mới có thể tươi tốt. Sau đây là hợp để hiển pháp. “Người đã vào vô vi thì chẳng sinh vào Phật pháp” là hợp với câu “Gieo hạt giống trong hư không thì chẳng nảy mầm”; “Khởi tâm ngã kiến như núi Tu-di còn có thể phát tâm” là hợp với câu “Đất có phân bả mới tươi tốt”. Năm kiến ở đây đều có thể được, nhưng ngã kiến là gốc, cho nên được nêu lên.

Thứ ba, giải thích chung tất cả phiền não là hạt giống. “Vì thế, nên biết tất cả phiền não là hạt giống Như Lai”, đây là nương vào ý trước để hiển rõ ý sau, tức ái kiến nói ở trước là hạt giống Phật, đồng thời nên biết tất cả các phiền não khác cũng đều là hạt giống Như Lai. Đây là hiển bày nghĩa đúng, sau đây là nêu lên ý sai. Trước là dụ, sau là hợp. Chẳng thể tùy thuận nhiệm pháp để thật hành phi đạo hậu thông đạt Phật đạo gọi là chẳng vào biển lớn phiền não, vì chẳng vào nên chẳng thể sinh Nhất thiết trí bảo.

Phần thứ hai, ngài Ca-diếp tán thuật “lúc bấy giờ ngài Ca-diếp khen rằng: “Thiện tai, thiện tai! Thích thú cho những lời nói này!”. Đây là lời tán thán. Từ câu “Thật như lời...” trở xuống là lời thuật lại. Trong đó gồm bốn đôi, tất cả đầu tiên đều thuật lại phàm phu là hạt giống đã nêu, sau thuật Tiểu thừa chẳng phải là hạt giống. Bốn đôi phân biệt thế nào? Đôi thứ nhất, nói chúng sinh phiền não là hạt giống Phật, nhị Thừa



thì chẳng thể được; thứ hai, chúng sinh ác nghiệp là hạt giống Phật, Nhị thừa thì chẳng thể được. Thứ ba, kết luận hai đôi trước; thứ tư, giải thích hai đôi trước. Trong đôi thứ nhất, đầu tiên văn ghi: “Thật đúng như lời ngài nói, tất cả bọn trần lao là hạt giống Như Lai” là câu thuật lại ý nghĩa phạm phu có thể làm hạt giống nêu trên. Phiền não nhiễm ô gọi là trần, có khả năng làm lao nhọc loạn động nên gọi là lao. Khởi phiền não là những hạng người này nên gọi là bọn trần lao, tất cả đều có thể làm hạt giống Như Lai. Câu “chúng ta ngày hôm nay chẳng kham phát tâm Bồ-đề”, tức chê bai Nhị thừa để thành tựu cho lời văn nói. Nhị thừa chẳng có khả năng, ghi ở trên. Trong đôi thứ hai, đầu tiên văn kinh ghi: “Cho đến tạo năm tội vô gián còn có thể phát ý sinh vào Phật pháp” là thuật lại việc phạm phu có thể làm hạt giống Phật. Danh nghĩa của năm tội nghịch như trên đã giải thích. Nói vô gián, gồm bốn nghĩa:

1. Thú báo vô gián, tức người tạo năm tội nghịch khi bỏ báo thân này thì đọa thẳng vào ngục A-tỳ, niệm trước thuộc cõi người, niệm sau đã ở địa ngục, nên gọi là vô gián.

2. Thân hình vô gián, ngang dọc của địa ngục A-tỳ đều bằng tám vạn do-tuần, một người vào đây thì thân cũng biến đầy địa ngục, hai người vào thì thân cũng đầy khắp, tất cả người vào cũng như thế nên gọi là vô gián.

3. Thọ mạng vô gián, trong các địa ngục khác thì chết sống thay nhau, còn A-tỳ thì không như thế, nếu sinh vào đây phải đủ thọ mạng một kiếp, không đoạn dứt nữa chừng, nên gọi là vô gián.

4. Thọ khổ vô gián, ở các địa ngục khác, khổ vui thay nhau. Ở A-tỳ thì chẳng như thế, mà chịu khổ mãi mãi không phút giây ngừng nghỉ, nên gọi là vô gián.

Nghĩa của năm nghịch đầy đủ bốn nghĩa, trên nên gọi là vô gián. Các tội nghiệp này tuy nặng mà còn có thể phát ý sinh vào Phật pháp như các vua ở thế gian..., “mà nay chúng con vĩnh viễn không thể phát tâm”, chê trách Nhị thừa để thành tựu cho nghĩa Thanh văn chẳng phải là hạt giống ghi ở trên. Trong đó, đầu tiên là pháp, kế đến là dùng dụ để hiển rõ. Mất... là căn, căn hoại gọi là bại, người mà các căn bị hư hoại gọi là người đã bại hoại năm căn, đối với năm trần sắc thanh... chẳng thể thấy biết; không nhận được lợi ích của năm trần nên gọi là “không có xúc cảm đối với năm món dục lạc. Sau đây là hợp để hiển pháp. “Cũng thế hàng Thanh văn đã đoạn hết kết sử” là hợp với câu “người đã hư hoại năm căn”; “ở trong Phật pháp”, hợp với câu “đối với năm món dục lạc”, không có lợi ích, vĩnh viễn không còn chí nguyện” hợp với

câu “không còn cảm xúc”. Trong phần thứ ba kết luận văn kinh ghi “vì thế” nghĩa là bọn trần lao lạ hạt giống Như Lai, vì tạo năm tội vô gián mà còn sinh vào trong Phật pháp; “hàng phàm phu ở trong Phật pháp còn có thể trở lại”, tạo tội ác, trái nghịch đạo lý mà còn có thể phát tâm cầu Bồ-đề gọi là “trở lại”. Trước nói “Chúng con vĩnh viễn không kham phát tâm Bồ-đề, vì hàng Thanh văn đã đoạn trừ các kết sử, không còn lợi ích trong Phật pháp, vì thế nói “còn hàng Thanh văn thì không”.

Trong phần thứ tư giải thích nói “Vì sao?” là trước hỏi để phát khởi văn sau, nghĩa là hỏi vì sao hàng Phàm phu có trở lại mà Thanh văn thì không? Sau là giải thích. “Phàm phu nghe Phật pháp khởi tâm vô thượng chẳng đoạn Tam bảo”, câu này giải thích câu “Phàm phu còn có thể trở lại” ở trên; “Còn hàng Thanh văn, cho dù suốt đời nghe nói các pháp mười Lực, bốn Vô úy... mà vĩnh viễn chẳng thể phát tâm”, câu này giải thích câu “Còn Thanh văn thì không” nêu trên. Hàng Thanh văn ưa thích tịch diệt, không còn khổ để nhằm chán, chẳng thể tùy thuận các cõi hiểu mà xót thương nghĩ nhớ đến chúng sinh, nên không thể phát tâm.

Trên đã nói về việc thực hành, sau đây là nói về việc thành tựu. Trong đó, trước tiên Bồ-tát Phổ Hiện thưa hỏi để phát khởi. Câu hỏi này xuất phát từ việc trạng thất trống không nêu trên. Từ câu “Ông Duy-ma dùng kệ đáp...” trở xuống là lời đáp.

Câu “Lúc bấy giờ ông Duy-ma dùng kệ đáp rằng”, là do các nhà kết tập kinh điển tự nêu lên. Lời kệ giản lược, chữ ít mà bao hàm nhiều nghĩa, cho nên dùng kệ để trả lời. Sau đây là nêu lời đáp, gồm bốn mươi hai bài kệ, ba mươi chín bài trước là thuận theo câu hỏi mà chính thức trả lời, ba bài sau là kết luận khen ngợi. Trong phần chánh đáp thì mười một bài đầu nói về việc thành tựu, tức là nói đến những sở hữu; từ câu “phá dẹp...” trở xuống có hai mươi tám bài là nói về việc tạo tác. Mười một bài đầu được quy về bốn đoạn: bảy câu đầu là căn cứ theo nội thân thích thế gian để hiển đức; một câu kế, căn cứ theo trụ xứ thế gian để hiển đức; năm câu kế là căn cứ theo ngoại thân thích thế gian để hiển đức; từ câu “bốn nhiếp...” trở xuống gồm bảy bài ba câu là căn cứ theo các vật dụng thế gian để luận về đức. Câu thứ nhất nói: “trí độ là mẹ Bồ-tát”, thật tuệ chiếu “không” gọi là Trí độ, đây là trưởng dưỡng bên trong, nên gọi là mẹ.

Nói “phương tiện tức là cha”, trí khéo léo tùy thuận các hữu gọi là phương tiện, đây là trưởng dưỡng bên ngoài nên gọi là cha. Mẹ trí độ trong luận Đại trí ghi là Bát-nhã đạo; cha phương tiện, luận Đại trí

ghi Phương tiện đạo. “Tất cả Đạo sư do đây sinh” là nêu Phật để so sánh với ta. “Pháp hỷ chính là vợ”, nghe pháp sinh vui mừng nên gọi là pháp hỷ, như vợ hợp tình ý, cho nên gọi là vợ. “Từ bi là con gái”, từ bi thương xót chúng sinh, như người con gái thế gian phần nhiều có lòng từ ái, nên nói là con gái. “Tâm thiện là con trai”, tâm thiện bền chắc ngay thẳng, gọi là thành thật, như tánh người nam kiên cường, nên gọi là nam. Kế đến căn cứ theo trụ xứ để hiển đức, đầu tiên kệ ghi: “Rốt ráo “không” là nhà”, tánh tướng của các pháp nhân duyên đều không, nên gọi là “rốt ráo không”, đây là chỗ nương của bậc Thánh, giống như nhà ở cho nên gọi là nhà. Kế đến là căn cứ vào ngoại thân thích để hiển đức. Đầu tiên nói: “Trần lao là đệ tử”, tất cả các ác chúng sinh phiền não ác gọi là trần lao, dùng tất cả những người này để giáo hóa nhiếp phục, nên gọi là đệ tử; “tùy ý mà chuyển hóa” tức giải thích về đệ tử, tùy thuận mình để giáo hóa lợi ích nên gọi là “tùy ý chuyển”. “Đạo phẩm là Thiện tri thức”, ba mươi bảy giác đạo gọi là Đạo phẩm, những pháp này thường dẫn dắt người đến Đại Bồ-đề nên gọi là Thiện tri thức. “Do đo thành chánh giác” là giải thích Thiện trí thức. “Các pháp độ là bạn”, mười Ba-la-mật gọi là pháp độ, luôn theo người đi từ nhân đến quả nên gọi là đồng bạn.

Sau đây là căn cứ theo vật dụng thế gian để nói về đức. Đầu tiên nói: “Bốn nhiếp là kỹ nữ”, vì bốn nhiếp nhiếp phục người như các kỹ nữ, nên gọi như thế. “Ca vịnh tụng lời pháp” để tự vui gọi là âm nhạc. “Tổng trì là vườn tược”, Đà-la-ni đức gọi là tổng trì, gom nhiếp giữ gìn các pháp chẳng để quên sót, như vườn tược có nhiều rau quả, cho nên nói là vườn tược. “Vô lậu là khu rừng”, đức xa lìa cấu tịnh gọi là pháp vô lậu, khác biệt như rừng, cao vút như cây. “Giác ý là hoa tịnh”, hạnh bảy giác chi gọi là giác ý đó là niêm, trạch pháp, tinh tấn, y, định, hỷ, xả, các pháp này đối với tu đạo hay sinh các đức của Phật, như hoa sinh quả, vì thế nói là hoa; hoa có ba nghĩa:

1. Sinh quả, như hoa của cỏ cây.
2. Thanh tịnh, như hoa sen ở thế gian chẳng nhiễm bùn dơ.
3. Trang nghiêm như vòng hoa thế gian.

Ở đây đều đủ ba nghĩa, nay nói giác ý thanh tịnh như hoa là hoa cảm quả. “Giải thoát là quả trí”; Thánh đức vô học là trí giải thoát, từ hoa thất giác mà sinh ra, như quả trái thế gian, nên gọi là quả. “Tám giải là ao tắm”, đức của tám giải thoát có thể trừ sạch cấu nhiễm như ao tắm ở thế gian, nên gọi là ao tắm, nghĩa như sau giải thích. “Nước định đầy trong lặng”; trong vị tám giải thoát thì các định đều đầy đủ nên gọi

là nước định đây. “Rải bảy loại hoa tịnh”, đức của bảy tịnh thanh tịnh như hoa, nên gọi là bảy tịnh hoa. Hoa này chỉ có nghĩa thanh tịnh, vì sao nói là bảy? Đó là: giới tịnh, định tịnh, kiến tịnh, độ nghi tịnh, đạo phi đạo tịnh, năm loại này thì Đại Tiểu đều đồng tên, hai nghĩa sau thì Tiểu thừa khác. Tịnh thứ sáu trong Tiểu thừa là hạnh tịnh, thứ bảy là hạnh đoạn trí tịnh; nghĩa thứ sáu trong Đại thừa là hạnh đoạn, thứ bảy là Tư lương pháp Bồ-đề phần thượng thượng tịnh. Bảy nghĩa này là căn cứ theo hạnh, gồm trong ba học: một nghĩa đầu thuộc giới học, một nghĩa kế thuộc định học, năm nghĩa sau thuộc tuệ học. Nếu theo vị mà phân thì hai nghĩa đầu thuộc trước kiến đạo; vì trước kiến đạo vừa xả bỏ lỗi của ngoại phạm thô nặng, trì giới để phòng hộ ngăn ngừa lỗi lầm, nên trước nói trì giới. Vả lại muốn cầu đạo xuất thế nếu chẳng nương vào định thì chẳng thể ra khỏi, nên kế đó là nói về định. Ba nghĩa sau thuộc về giai vị kiến đạo, vì ở giai vị này vừa lìa ngoại phạm vào kiến đạo, vì đoạn trừ thân kiến trong kiến đạo nên phải nói về kiến tịnh, vì đoạn trừ tâm nghi nên nói độ nghi tịnh, vì đoạn trừ giới thủ kiến nên nói Đạo phi đạo tịnh, nghĩa là biết Thánh tuệ vô lậu là các đạo, giới... phi đạo, nên gọi là Đạo phi đạo.

Hỏi:

- Trong vị kiến đạo là đoạn mười sử, vì sao chỉ nói có ba?

Đáp:

- Như kinh Niết-bàn nói vì ba sử này rất nặng nên được nêu lên. Vả lại trong kiến đạo tuy đoạn mười sử, tất cả năm kiến và nghi đã trừ tận nên có danh đoạn, nhưng tham, sân, si, mạn chưa tận dứt nên chưa thể gọi là đoạn. Nếu căn cứ theo Tam bản, Tam tùy trong sở đoạn thì thân kiến là bản, biên kiến là tùy, giới thủ kiến là bản, kiến thủ là tùy, tâm nghi là bản, tà kiến là tùy. Trong kinh căn cứ theo bản, nên chỉ nói đoạn hai kết sử; vì đoạn ba kiết nên nói ba tịnh. Hai nghĩa sau Đại, Tiểu khác nhau. Nếu theo Tiểu thừa, thì trong Tu đạo nói Hạnh tịnh, để khởi hạnh tu đạo vô lậu, tại đạo vô học nói Hạnh đoạn tịnh để đạt được hạnh rốt ráo đoạn kết sử. Nếu theo Đại thừa thì hai nghĩa sau đều tại tu đạo, Địa thứ bảy trở về trước thì nói hạnh đoạn tịnh để tu tập hạnh đoạn kết sử. Địa thứ tám trở lên thuyết Tu-bồ-đề thượng thượng tịnh. Đây là dùng bảy vị tịnh này phân chia cho trên và dưới nên gọi là rải khắp. “Để tẩm người không nhớ”, đây là nói về công dụng bảy tịnh của nước định tám giải nói ở trước; căn cứ vào ba đức ở trước để trừ sạch tâm cấu ứ, nên gọi là tẩm. Người tẩm là ai, đó là người không nhớ. Hỏi: Không nhớ vì sao cần phải tẩm? Đáp: Do tẩm nên không nhớ; đây

là căn cứ vào giai đoạn sau để nói giai đoạn khởi đầu, nên ghi là “người không nhớ”, cũng có thể căn cứ theo khởi đầu mà nói về sau cùng, cho nên nói “tám người không nhớ”. Người đó là ai? Nếu luận chung thì Phật Như Lai là người không nhớ, nếu theo văn để suy thì gọi ông Duy-ma-cật là người không nhớ. “Năm thông voi ngựa chạy”, năm thông là Thiên nhãn, Thiên nhĩ, Thần túc, Tha tâm và Túc mệnh, cưỡi trên đó qua lại giống như voi ngựa, chỗ đến rất nhanh chóng nên gọi là “chạy”. “Đại thừa là xe cộ”, dùng pháp Đại thừa vận chuyển tất cả nên gọi là xe. Nướng vào pháp mà khéo tu gọi là “Điều ngự” (điều khiển), điều khiển do chuyên ý, nên gọi “là Nhất tâm”. “Đạo nơi đường bát chánh”, là nêu lên hành xử, tám chánh là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. “Đủ tướng quý nghiêm thân”, người thế gian phần nhiều dùng mũ đẹp, ấn tỳ, vòng xuyên... để trang sức hình dung, ông Duy-ma-cật chẳng như thế, chỉ dùng ba mươi hai tướng quý để trang nghiêm thân mình. “Các vẻ đẹp trang sức”, người thế gian phần nhiều dùng phấn sáp để tô điểm dung mạo, còn ông Duy-ma chẳng như thế, mà chỉ dùng tám mươi vẻ đẹp phụ để nghiêm thân. “Tâm quý là y phục”, tâm tâm quý hay phòng hộ lỗi lầm, như y phục ở thế gian hay che lấp thân hình xấu xa này, nên gọi là “thượng phục”. “Thâm tâm là tràng hoa”, tin thích thiết tha gọi là thâm tâm, tâm này hay trang nghiêm pháp thân giống như vòng hoa ở thế gian; hoa nói ở đây chỉ có nghĩa là trang nghiêm. “Nhà giàu, có bảy báu”, bảy báu là tìn, giới, thí, văn, tuệ, tâm, quý; các pháp này hay giúp đỡ tu hành nên gọi là báu vật. “Chỉ dạy thêm lợi ích”. Bảy báu ở trên là do thầy chỉ dạy truyền trao mà được lợi ích. “Như thuyết mà tu hành, hồi hướng được lợi lớn”. Theo lời thầy dạy tùy thuận tu hành, dùng sự tu hành của mình hồi hướng đến Bồ-đề, hồi thí để tất cả chúng sinh, hồi hướng về mẹ thật khiến cho các việc làm càng thêm rộng lớn, nên gọi là lợi lớn. “Tứ thiền là giường tòa”; trong tám thiền định thì bốn loại thiền đầu tiên có nhiều lực dụng, cho nên bậc Thánh thường nương vào, vì thế gọi là giường tòa. “Từ tịnh mạng sinh ra”, người thế gian đều dùng tà mạng để nuôi sống, gọi đó là sinh; Bồ-tát không như thế, dùng chánh mạng để nuôi sống nên gọi là từ tịnh mạng sinh. “Đa văn tăng trí tuệ”, người thế gian phần nhiều lấy việc học tập ngoại điển để tăng trí tuệ, ông Duy-ma thì chẳng như thế, thọ học tất cả Thánh giáo để tăng trí tuệ. “Lấy làm tiếng tự giác”, dùng pháp được nghe làm âm thanh tự giác. “Cam lộ là thức ăn”, Phật pháp rất quý giá giống như Cam lộ trường dưỡng tinh thần, như thức ăn dùng để nuôi dưỡng thân thể, nên

gọi là thức ăn; thức ăn có hai loại:

1. Thức ăn thế gian.
2. Thức ăn xuất thế gian.

Thức ăn thế gian có bốn loại: Đoàn thực, xúc thực, tư thực và thức thực. Thức ăn xuất thế gian gồm năm loại: Pháp hỷ thực, thiền duyệt thực, nguyện thực, niệm thực và giải thoát thực. Ở đây y cứ theo xuất thế mà nêu pháp thực. “Nước uống, vị giải thoát”, vô lậu giải thoát làm cho bậc Thánh ưa thích nên gọi là vị, vị này hay làm tươi mát tinh thần, nên gọi là nước, đây cũng là giải thoát thực. “Tịnh tâm là tắm rửa”, mười lăm tịnh tâm gọi là tịnh tâm, như Địa trì nói; xuất chướng là nhiệm gọi là tắm rửa, tám giải... nói ở trước là năng dục còn ở đây là sở dục. “Giới phẩm là hương thoa”, nghiệp ác đơ xấu, giới hay phòng hộ, nên gọi là hương thoa.

Trên là phần thứ nhất nói về việc thành tựu cũng gọi là những điều có được, từ đây trở xuống là phần thứ hai nói về việc tạo tác, gồm hai mươi tám bài kệ, được quy về bốn đoạn:

1. Một bài kệ đầu nói về tự lợi để khởi hạnh lìa lỗi lầm.
2. Một bài kệ tiếp nói về lợi tha, hiện hóa tùy thuận chúng sinh.
3. Một bài kệ tiếp theo lại nói về tự lợi để khởi hạnh tu thiện.
4. Hai mươi lăm bài còn lại nói về lợi tha, biến hóa độ sinh.

Câu đầu tiên nói “phá dẹp giặc phiền não” là chánh thức nói về việc làm; “mạnh mẽ không ai bằng” là nói về sức mạnh hơn người kém yếu; tức là hàng Nhị thừa cận học đối trị hoặc chướng chướng thể hơn được, nên nói là không ai bằng. “Hàng phục bốn loài ma”, lặp lại việc làm, nghĩa như trên đã luận. “Phượng đẹp lập đạo tràng”, lại hiển việc tốt đẹp hơn người, người thế gian khi thắng trận thường dựng phượng để biểu thị, pháp từ dụ lập tên nên gọi là “phượng đẹp lập đạo tràng”.

Đoạn thứ hai nói về lợi tha, kệ ghi “Tuy biết không sinh diệt”, tức biết lý thường vắng lặng; “vì dạy, nên có sinh”, tức thọ thân là tùy thuận chúng sinh; “hiện khắp các cõi nước”, tức có duyên thì liền khởi; “Như mặt trời, đều thấy” là lập dụ để chỉ rõ.

Đoạn thứ ba, nói về hạnh tự lợi, kệ ghi: “Cúng dường mười phương cõi, vô lượng các Như Lai”, tức cúng dường cầu phước; “Chư Phật và thân Ta, không có tướng phân biệt”, nghĩa là quán không tu trí, thấy Phật và Ta đều như, nên không phân biệt.

Đoạn thứ tư nói về hạnh lợi tha gồm hai mươi lăm bài kệ, được chia làm hai:

1. Một bài đầu nói về hóa sinh Tịnh độ.

2. Gồm hai mươi bốn bài kệ nói về thần thông lợi ích chúng sinh.

Bài thứ nhất ghi: “Tuy biết các cõi Phật và chúng sinh đều không”, tức biết lý thường tịch; “mà thường tu Tịnh độ, giáo hóa các chúng sinh”, tức tùy hữu lợi vật, vì không chẳng trái với hữu; biết cõi nước không mà thường tu Tịnh độ, biết chúng sinh không mà thường giáo hóa. Trong hai mươi bốn bài nói về thần thông lợi ích thì được chia làm ba:

1. Tám bài đầu là nói về hạnh biến hóa tự tại.

2. Từ câu “trong kiếp dịch bệnh...” trở xuống gồm sáu bài, nói về hạnh tùy thuận khổ mà cứu giúp.

3. Từ câu “Thị hiện thọ năm dục” trở xuống gồm mười bài, nói về hạnh phương tiện khéo léo nhiếp phục chúng sinh.

- Tám bài trước được phân làm bốn:

1. Ba bài đầu nói về hóa hiện làm chúng sinh thế gian.

2. Một bài kế nói về hóa hiện làm khí thế gian.

3. Ba bài rưỡi kế tiếp, nói lại về hóa hiện chúng sinh thế gian.

4. Nửa bài cuối nói lại về việc hóa làm khí thế gian.

Trong phần nói về hóa chúng sinh thế gian thì một bài kệ đầu nói về việc hóa đồng hình chúng sinh, kệ ghi: “Bao nhiêu loại chúng sinh, hình tiếng và oai nghi” là nêu lên chỗ đồng nhau; đi, đứng, nằm, ngồi là oai nghi; “Bồ-tát trụ vô úy; đồng thời hiện cùng khắp, là nói về Bồ-tát hiện đồng; trong mười minh có một trí minh gọi là an trụ vô úy thần lực, Bồ-tát trụ nơi đây, nên có thể tùy chúng sinh, đồng thời hiện khắp. Một bài kệ kế tiếp nói về hạnh biến hóa đồng chúng sinh. Kệ ghi: “Biết rõ các việc ma”, tức nội tâm sáng tỏ, phá hoại việc thiện của người gọi là việc ma, như trong phẩm Na-sự kinh Đại Phẩm nói. Bồ-tát biết rõ, “mà hiện theo hạnh của chúng”, tức hiện hóa tùy thuận chúng sinh. “Dùng trí xảo phương tiện”, tức nội tâm khéo léo; tuệ phương tiện thứ mười chẳng chấp không gọi là phương tiện trí, cũng là trí quyền xảo trong hai trí quyền thật; tùy ý hay hiện khắp”, dùng xảo tuệ đạt được mà tùy thuận chúng sinh để hiện hóa, nên nói “hay hiện khắp”. Một bài kệ sau là nói về việc biến hóa đồng với báo thân chúng sinh; kệ ghi: “Thị hiện già bệnh chết”, tức hóa đồng chúng sinh, lại cũng có thể hiện sinh, kệ lược không ghi. “Thành tựu cho quần sinh” là nói về lợi tha. “Biết rõ đều như huyễn”, tức biết có thân là hư dối, biết các việc già bệnh chết giống như huyễn hóa, chẳng sợ hãi. “Thông đạt, chẳng ngăn ngại”, tức việc làm tự tại; vì thông đạt lý như huyễn hóa, thường hay hiện làm các việc, cho nên không ngăn ngại.

Sau đây là một bài kệ nói về việc hóa hiện khí thế gian. Kệ ghi:

“Hoặc hiện ra kiếp hỏa, trời đất đều cháy tan”, nêu việc làm, kiếp có trong và ngoài; nếu căn cứ theo thế giới thành hoại để nói về kiếp, thì gọi là ngoài; nếu căn cứ theo báo thân của chúng sinh mà nói về kiếp, thì gọi là trong. Kiếp bên ngoài có ba là nước, gió và lửa, đầy đủ như các kinh đã nói. Ở đây chỉ nêu lên kiếp lửa. Còn kiếp bên trong thì như văn sau sẽ nói. “Khiến người có tướng thường, chiếu soi biết vô thường”, là nói về ý nghĩa biến hóa, nghĩa là quán xét biết thế gian là vô thường.

Kế đến là ba bài rười, lặp lại việc hóa làm chúng sinh thế gian, trong đó bài đầu nói về hóa hiện pháp xuất thế; kệ ghi: “Vô số các chúng sinh, đều đến thỉnh Bồ-tát”, chúng sinh cơ cảm đến bậc Thánh; “Cùng lúc đến nhà họ”, tức nói các Bồ-tát đồng đến; “Chỉ bày hương Phật đạo”, nhân đến nhà mà nhiếp phục làm lợi ích. Một bài tiếp theo là nói việc hóa hiện pháp thế tục, kệ ghi: “kinh sách các chú thuật, các nghề nghiệp khéo léo, tất cả đều hiện làm, để lợi ích quần sinh”. Kế đến một bài kệ nói về việc hóa hiện làm pháp ngoại đạo, kệ ghi: “Các đạo pháp thế gian”, tức là pháp của ngoại đạo; “Bồ-tát đều vào đó”, tức Bồ-tát thị hiện đồng như thế. “Nhờ đó để trừ mê”, tức nhờ hiện đồng mà giáo hóa được lợi ích, dần dần dạy cho họ bỏ tà đạo, gọi là trừ mê cho người. “Hoặc hiện nhật nguyệt thiên”, là hiện chư Thiên nhật, nguyệt, tinh tú... Văn chỉ nói nhật nguyệt. “Làm Phạm vương, thế chủ”, tức làm Đại Phạm vương và các Thiên chủ ở ngàn thế giới khác, nhưng văn kệ lược bỏ không ghi. Nửa bài kệ cuối nói lại việc hóa hiện khí thế gian, kệ ghi: “Hoặc lúc làm đất nước, hoặc lúc làm gió lửa”.

Trên là phần thứ nhất gồm tám bài kệ nói về hạnh biến hóa tự tại, sau đây là phần thứ hai nói về hạnh cứu khổ. Gồm sáu bài kệ, bốn bài đầu nói về việc cứu khổ cho người, hai bài kệ sau là cứu khổ ở ác đạo. Trong bốn bài kệ đầu, thì ba bài trước nói cứu khổ cho chúng sinh trong ba kiếp nạn, kiếp bên trong có ba đó là kiếp đói khát, dịch bệnh và đao binh, như kinh đã nói rõ. Khi tuổi thọ con người dần dần giảm xuống còn mười tuổi thì kiếp đói khát khởi lên, trong thời gian bảy năm bảy tháng bảy ngày, năm loại hạt không chín, người chết gần hết, chỉ còn một, hai phần. Vượt qua thời kỳ này con người lại thương mến nhau, vì có tâm từ ái, hành thiện nên tuổi thọ tăng dần đến tám mươi bốn ngàn tuổi, quá sung sướng nên kiêu sa phóng túng khiến tuổi thọ giảm dần còn mười tuổi thì kiếp đói khát lại khởi lên, trải qua bảy lần tăng giảm khởi kiếp đói khát như thế thì một kiếp dịch bệnh khởi, lúc bấy giờ trong thời gian, bảy tháng, bảy ngày khí độc lan khắp nơi, người gặp phải liền



chết, trải qua thời kỳ này thì tuổi thọ lại tăng, cứ như thế bảy kiếp đói khát thì hiện một kiếp dịch bệnh, trải qua bốn mươi chín kiếp đói khát, bảy kiếp dịch bệnh thì một kiếp đao binh khởi; lúc bấy giờ tâm người rất ác độc, tay vừa cầm cây cỏ thì liền biến thành đao kiếm, giết hại lẫn nhau, trải qua bảy ngày người chết vô số, chỉ còn một, hai phần thoát được. Ba kiếp như thế. Trong thời gian ba kiếp nạn như thế Bồ-tát hay cứu giúp khổ hoạn cho chúng sinh, đầu tiên cứu dịch bệnh, kế đó cứu đói khát, sau đó là cứu đao binh, xem văn có thể biết được. Thứ tư, một bài kệ nói về việc cứu khổ ở các thời gian khác, ở thời gian khác cũng có năm việc cứu các nạn đói khát, đao binh, dịch bệnh. Kệ ghi: “Nếu có chiến tranh lớn, làm hai sức ngang nhau” tức hai nước chiến tranh, đồng bày đao binh, chẳng quản gì đến quan dân, lúc bấy giờ Bồ-tát hiện oai thế lớn, hàng phục hai nhà, làm cho hòa giải nhau. Trước cứu khổ cho người, sau cứu khổ ở địa ngục, cuối cùng cứu khổ cho súc sinh, cũng có cứu ngựa quý, nhưng văn lược chẳng ghi. Sáu bài kệ trên nói về hạnh cứu khổ, từ đây xuống là nói về phương tiện thiện xảo, là hạnh nhiếp thủ chúng sinh, trong đó gồm mười bài, được chia làm bốn phần:

1. Bốn bài kệ đầu nói về tự có việc làm để lợi ích chúng sinh.
2. Ba bài kệ kế tiếp là nói về việc tùy người mà làm những điều khác lạ.
3. Một bài kệ kế là nói về việc tự mình có việc làm để lợi ích chúng sinh.
4. Hai bài kệ cuối là nói về việc tùy người mà có các việc làm khác.

Trong bốn bài đầu nói về tự có việc làm, thì hai bài đầu nói về thị hiện. Tại nơi dục mà hành Thiền, trong đó đầu tiên là nên pháp, kế đó là dụ và sau cùng là hợp, theo văn có thể biết. Bài kệ thứ ba là nói về thị hiện nghịch hạnh; “Hiện làm kẻ dâm nữ, dẫn dụ người háo sắc”, trước dùng sắc để dụ dẫn, sau đó khiến vào pháp.

Một bài kệ kế nói về thị hiện thuận hạnh; “hoặc làm chủ một ấp, hoặc làm thầy khách buôn, hoặc quốc sư, đại thần, để lợi ích chúng sinh”. Đoạn này đã xong.

Kế đến có ba bài kệ, nói về tùy người mà tạo tác. Trong đó bài kệ đầu nói: ‘Nơi có kẻ bần cùng thì hiện làm kho vô tận’, tức ban cho họ tài vật. Trong đó nửa bài đầu nói về việc làm, nửa bài sau nói về lợi ích. Một bài kệ kế tiếp nói: “Kẻ kiêu căng ngã mạn, hiện làm đại lực sĩ”, để hàng phục họ; trong đó nửa bài đầu là nói về việc làm, nửa bài sau nói về nhiếp phục làm lợi ích. Một bài kệ cuối cùng nói: “Nếu có người sợ

hãi, hiện đến để an ủi...”, trong đó nửa bài kệ đầu là nói về việc làm, nửa bài sau nói về việc nhiếp phục làm lợi ích. Kế đến một bài kệ nói về việc làm, trong đó nói “hoặc hiện lia dâm dục, hoặc làm Tiên ngũ thông” là chánh thức nói về việc làm, nửa bài sau nói về lợi ích của việc giáo hóa. Hai bài kệ cuối nói về việc tùy người mà tạo tác, trong đó một bài kệ đầu nói về thân lợi ích, tức hóa hiện làm nô bộc, bài kệ sau nói về tài lợi ích, tức ai cần thì đến cung giúp.

Trên là ba mươi chín câu theo lời hỏi mà đáp, từ đây trở xuống gồm ba bài kệ tổng kết tán thán. Trong đó bài thứ nhất là khen ngợi để hiển thị sự thù thắng; bài thứ hai là nhờ vào Phật để hiển thị sự thù thắng; bài kệ cuối cùng là nhờ vào người để hiển thị việc thù thắng. Bài kệ đầu ghi: “Như thế đạo vô lượng” tức nêu lên để tán thán chung như đã kể trên. Đạo tự lợi lợi tha tùy theo sự phân biệt mà luận chi tiết thì rộng nhiều vô lượng. Sau đây là tán thán chung. Kệ ghi: “Việc làm không bờ mé, trí tuệ lại vô biên”, là tán thán riêng về hạnh tự lợi. Công đức của việc làm không có bờ mé, hạnh của trí tuệ cũng lại vô biên. “Độ thoát vô số chúng” tức tán thán riêng về lợi tha. Trong phần nhờ vào Phật để tán thán ghi: “Dẫu có tất cả Phật” là tán thán người cùng khắp, “trong vô số ức kiếp” là tán thán thời gian dài lâu, “khen ngợi công đức kia, còn chẳng thể hết được”, là nói những điều được tán thán rất nhiều. Tức là nói chư Phật cùng tán thán cũng chẳng thể hết huống gì là những người khác. Trong phần nhờ vào người để hiển thù thắng kệ ghi: “Ai nghe được pháp này, mà chẳng thể phát tâm?” tức là nhờ vào người trí để nêu lên điều thù thắng khiến cho mọi người đồng phát tâm, “trừ những người bất tiêu, ngu si không trí tuệ”, loại trừ người ngu để hiển điều thù thắng; nghe pháp mà kháng cự, chẳng chịu tin phục gọi là “người chẳng tiêu”.

-----